

V/v: Khiếu kiện quyết định xử phạt
vi phạm hành chính về thuế

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Công T - Chức vụ: Phó Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Mai Công H1 - Phòng Thanh tra, Kiểm tra 2, thuộc Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: T L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Tuấn H2 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số I L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Đắk Lắk:

Ông Võ Ngọc T1 - Chức vụ: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

3.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Võ Ngọc T1 - Chức vụ: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Trần Quang S - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, Công ty TNHH D1 trình bày:

Công ty TNHH D1 (sau đây viết tắt là Công ty D1) được Bộ K và Đầu tư cấp phép và hoạt động từ năm 1995 cho đến nay. Ngày 14-5-2015, Công ty D1 được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 401025000130, hoạt động ngành nghề kinh doanh: Thu mua, xuất khẩu cà phê, ca cao (mã ngành 4620); chế biến cà phê, rang xay chế biến kinh doanh cà phê bột, cà phê hòa tan (mã ngành 1079); chế biến ca cao (mã ngành 1073). Đồng thời, trong Giấy chứng nhận đầu tư này có nội dung Công ty D1 được hưởng ưu đãi “Thuế TNDN bằng 10% lợi nhuận thu được kể từ ngày bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh...” đối với dự án D1.

Ngày 08-5-2023, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1501/QĐ-XPHC (sau đây viết tắt là Quyết định số 1501/QĐ-XPHC), xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty D1, do có hành vi vi phạm khai sai dẫn đến thiếu tiền thuế TNDN trong các năm tài chính 2018, 2019 và 2020 (niên độ quyết toán tài chính của ĐAK MAN là từ ngày 01-10 đến ngày 30-9 năm sau). Theo quyết định này, Công ty phải nộp tổng số tiền xử phạt hành vi vi phạm hành chính, tiền thuế truy thu, tiền chậm nộp tiền thuế được tính đến ngày 25-4-2023 là **15.732.910.304 đồng**.

Công ty không đồng ý với quyết định số 1501/QĐ-XPHC của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk, vì lý do sau:

Thứ nhất, đối với việc áp dụng thuế suất ưu đãi 10% thuế TNDN cho các năm 2017, 2018 và 2019, nhưng thực chất là trong các năm tài chính 2018, 2019 và 2020, vì niên độ quyết toán tài chính của Công ty D1 là từ ngày 01-10 đến ngày 30-9 năm sau.

Tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12-11-2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư 2014 quy định: *“2. Đối với dự án đầu tư thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư căn cứ nội dung ưu đãi đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư để hưởng ưu đãi đầu tư...”*

Khoản 2 Điều 13 của Luật Đầu tư năm 2014 quy định: *“2. Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư thấp hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định trước đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án”*.

Công ty D1 đã thực hiện việc kê khai nộp thuế dựa trên cơ sở là Giấy chứng nhận đầu tư số 401025000130 ngày 14-5-2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định pháp luật. Đây là quyết định cá biệt, UBND tỉnh cho Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi nên phải thi hành theo quyết định cá biệt.

Tại cuộc họp các ban ngành do UBND tỉnh Đắk Lắk chủ trì ngày 03-12-2021, hồ sơ của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cho thấy cơ quan T2 đã nhiều lần yêu cầu xem xét nội dung điều chỉnh Tiểu mục 7.2 Điều 2 của Giấy chứng nhận đầu tư số 401025000130 ngày 14-5-2015 (yêu cầu điều chỉnh từ năm 2017), nhưng không được các cơ quan ban ngành xem xét, chấp thuận. Đến ngày 29-12-2021, xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và ý kiến thống nhất của Công ty TNHH D1 với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh Đắk Lắk mới có Quyết định số 3754/QĐ-UBND quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, trong đó điều chỉnh Tiểu mục 7.2 Điều 2 Giấy chứng nhận đầu tư số 401025000130 ngày 14-5-2015: *“Ưu đãi về thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định của pháp luật thuế”*. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư có hiệu lực từ ngày ký.

Như vậy, đối với thời gian trước ngày 29-12-2021, thì Công ty D1 áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi theo Giấy chứng nhận đầu tư số 401025000130 ngày 14-5-2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Thứ hai, đối với chi phí dịch vụ được cung cấp bởi bên có giao dịch liên kết (giữa Công ty TNHH D1 với Công ty TNHH V):

Ngày 20-02-2017, Công ty TNHH D2 có ký Hợp đồng dịch vụ với Công ty TNHH V. Sau khi ký Hợp đồng, Công ty có báo cáo để kê khai nộp thuế cho cơ quan thuế theo đúng quy định pháp luật đối với các chi phí, giao dịch tại Hợp đồng. Công ty ký Hợp đồng các dịch vụ: nghiên cứu và phân tích thị trường; Hỗ trợ chiến lược, cố vấn, hỗ trợ và tư vấn; hướng dẫn và hỗ trợ về kế toán (bao gồm kiểm soát nội bộ và tư vấn chính sách, kiểm toán); tư vấn hỗ trợ trong việc quản lý trạng thái rủi ro (bao gồm cả các bên

đôi tác); tư vấn và hỗ trợ về nguồn nhân lực; các dịch vụ công nghệ thông tin. Khi sử dụng dịch vụ, Công ty có các cuộc họp tuần, tháng để báo cáo tình hình sử dụng dịch vụ. Việc sử dụng dịch vụ được thể hiện qua các hoạt động, hoá đơn, chứng từ, có văn bản nghiệm thu hằng năm theo đúng quy định pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24-02-2017 của Chính phủ. Công ty đã cung cấp cho Đoàn thanh tra thuế các bằng chứng chứng minh việc sử dụng các dịch vụ trên. Do đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tại Hợp đồng dịch vụ này phải được khấu trừ 100% để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

Do đó, đề nghị Tòa án xem xét tuyên hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1501/QĐ-XPHC ngày 08-5-2023 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk.

Người bị kiện trình bày:

Ngày 11-11-2022, Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2720/QĐ-CT về việc thanh tra thuế tại Công ty TNHH D1, thời kỳ thanh tra: từ ngày 01-10-2017 đến ngày 30-9-2020 (03 năm), theo niên độ đăng ký của doanh nghiệp từ ngày 01-10 đến ngày 30-9 năm sau.

Qua quá trình thanh tra, căn cứ kết quả được ghi nhận tại Biên bản Thanh tra thuế ký ngày 25-4-2023, giữa Đoàn thanh tra và Công ty TNHH D1; ngày 08-5-2023, Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 1501/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty TNHH D1.

Công ty TNHH D1 đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Khai sai dẫn đến thiếu tiền thuế TNDN năm 2017, 2018 và 2019 (niên độ từ ngày 01-10 đến ngày 30-9 năm sau). Tổng số tiền thuế truy thu, tiền xử phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp được tính đến ngày 25-4-2023 là: 15.732.910.304 đồng (mười lăm tỷ bảy trăm ba mươi hai triệu chín trăm mười nghìn ba trăm linh bốn đồng). Chi tiết từng khoản như sau: Phạt về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền TNDN phải nộp (tiểu mục 4254): 2.058.639.501 đồng; truy thu thuế TNDN (tiểu mục 1052): 10.293.197.504 đồng; tiền chậm nộp thuế TNDN (tiểu mục 4918): 3.381.073.299 đồng. Căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 1501/QĐ-XPHC ngày 08-5-2023 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk:

- Đối với việc áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% cho các năm 2017, 2018 và 2019 (niên độ từ ngày 01-10 đến ngày 30-9 năm sau):

Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào Điều 27 của Luật Đầu tư năm 2005; Điều 25 và Điều 28 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 12-02-2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12-02-2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế; Điều 1 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01-10-2014 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế. Theo quy định này, thì chỉ thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn mới được áp dụng thuế suất

thuế TNDN là 10%. Đối với hoạt động mua bán cà phê không thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 10%.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 40102500130 ngày 14-5-2015, thì *“Mục tiêu và quy mô của dự án: Thu mua, chế biến cà phê, ca cao tiêu thụ nội địa và xuất khẩu với công suất: 50.000 tấn cà phê nhân/năm; 5.000 tấn ca cao/năm”*.

Theo quy định của pháp luật thì Doanh nghiệp chỉ được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 10% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản.

Căn cứ khoản 2 Điều 156 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22-6-2015 của Quốc hội quy định: *“Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn”*.

Theo quy định trên, thì quy định tại Nghị định của Chính phủ là văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn Giấy chứng nhận đầu tư số 40102500130, nên áp dụng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ. Do đó, việc ưu đãi thuế TNDN với thuế suất 10% đối với các năm 2017, 2018 và 2019 không thể áp dụng theo nội dung Giấy chứng nhận đầu tư mà phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Đối với chi phí dịch vụ được cung cấp bởi bên có giao dịch liên kết (giữa Công ty TNHH D1 với Công ty TNHH V):

Công ty TNHH D1 có quan hệ liên kết với Công ty TNHH V và có phát sinh giao dịch liên kết đối với phần cung cấp dịch vụ. Đây là chi phí thực tế có phát sinh, nhưng không phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH D1, vì chứng từ chi phí phát sinh một năm 1 lần (150.000 USD/năm) chi trực tiếp cho Công ty TNHH V về dịch vụ đào tạo, tư vấn kế toán, phần mềm tin học, tư vấn thị trường... Qua kiểm tra sổ sách, chứng từ, tài liệu tại trụ sở công ty, Công ty TNHH D1 không cung cấp được các hóa đơn, chứng từ phục vụ trực tiếp cho việc chi tiêu dịch vụ đào tạo...đối với khoản chi 150.000 USD nêu trên.

Do đó, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24-02-2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận chi phí đối với: Dịch vụ được cung cấp có giá trị thương mại, tài chính, kinh tế nhưng không phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH D1.

Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk khẳng định việc xử lý của mình là đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk trình bày:*

Ngày 10-4-2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty với các nội dung đăng ký điều chỉnh như sau:

- Điều chỉnh nội dung đăng ký doanh nghiệp: Bổ sung ngành nghề kinh doanh *“Rang xay, chế biến và kinh doanh cà phê bột, cà phê hoà tan”*; điều chỉnh thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật.

- Điều chỉnh dự án đầu tư: Điều chỉnh thời gian hoạt động của dự án thêm 10 năm kể từ ngày 06-5-1995.

Ngày 14-02-2015, UBND tỉnh Đắk Lắk thống nhất chủ trương cho Công ty TNHH MTV X gia hạn thời gian thuê đất thêm 10 năm (hết ngày 06-5-2025) đối với diện tích thực hiện dự án. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh số 401025000130 ngày 14-5-2015. Nội dung điều chỉnh được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là đúng với đề nghị của Công ty, các nội dung khác không đề nghị điều chỉnh được ghi nhận lại đầy đủ theo các nội dung được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được Bộ K và Đầu tư cấp trước đó nhằm bảo đảm tính liên tục, các quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư.

Tại Thông báo số 588/TB-KTNN ngày 06-11-2018, Kiểm toán Nhà nước kết luận việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 401025000130 lần thứ nhất ngày 14-5-2015 cho Công ty TNHH D1 không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại NSNN; đề nghị điều chỉnh quy định tại Điểm 7.2 Điều 2 Giấy chứng nhận đầu tư số 401025000130 ngày 14-5-2015. Tại thời điểm này, Công ty TNHH D1 đang kiện Cục Thuế tỉnh. Do đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 786/SKHĐT-KTĐN ngày 11-4-2019 báo cáo, tham mưu UBND tỉnh có Công văn số 3700/UBND-TH ngày 10-5-2019; theo đó, UBND tỉnh xác định nội dung ưu đãi ghi tại Giấy chứng nhận đầu tư cấp ngày 14-5-2015 mang tính kế thừa các ưu đãi đã được Bộ K và Đầu tư cấp trước đó và không trái quy định, nên đã kiến nghị Kiểm toán Nhà nước khu vực XII không đưa nội dung đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk: “*Điều chỉnh điểm 7.2, Điều 2 Giấy chứng nhận đầu tư số 401025000130, chứng nhận lần thứ nhất ngày 14-5-2015 cấp cho Công ty TNHH D1*” vào Kết luận của kiểm toán. Tuy nhiên, Sở Kế hoạch và Đầu tư không nhận được phản hồi của Kiểm toán Nhà nước.

Từ thời điểm tháng 11-2019, Bộ K và Đầu tư có Công văn số 953/BKHĐT-PC ngày 20-11-2019 về việc thực hiện quy định của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và Bộ T3 có Công văn số 845/BTC-TCT ngày 29-7-2021 về việc rà soát các quy định về thuế trong giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, thì nội dung ưu đãi đầu tư “Chỉ ghi thực hiện theo quy định pháp luật đất đai, theo quy định của pháp luật về đầu tư. Nội dung ưu đãi về thuế đối với từng loại ưu đãi đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế”. Trên cơ sở đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3754/QĐ-UBND ngày 29-12-2021; trong đó, đã điều chỉnh các ưu đãi đầu tư về thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp: thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế. Đối với vụ án, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- UBND tỉnh Đắk Lắk và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày:

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty D1 được cấp ngày 14-5-2015 là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được thực hiện theo Luật đầu tư năm 2005. Nhà đầu tư đề nghị bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh, gia hạn thời gian hoạt động của dự án thêm 10 năm và thông tin người đại diện theo pháp luật. UBND tỉnh đã điều chỉnh 3 nội dung trên theo đề nghị của doanh nghiệp, các nội dung khác không điều chỉnh vẫn giữ nguyên theo Giấy chứng nhận đầu tư mà Bộ K và Đầu tư, UBND tỉnh đã cấp trước đó.

Việc kê khai, nộp thuế và xác định ưu đãi đầu tư thuộc trách nhiệm của Doanh nghiệp theo quy định của Luật quản lý thuế.

Theo quy định của pháp luật về Đầu tư và pháp luật về Thuế thì chỉ có hoạt động chế biến nông sản mới được hưởng ưu đãi về thuế. Công ty TNHH D1 chỉ có hoạt động thu mua, xuất khẩu nông sản nên không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế.

Mặt khác, Công ty D1 cũng biết không thuộc trường hợp được ưu đãi nên đã có nhiều văn bản gửi Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các Sở, Ngành đề nghị được nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (không được hưởng ưu đãi) từ năm 2018 trở đi. Hiện nay, Giấy chứng nhận đầu tư năm 2015 đã được UBND tỉnh điều chỉnh năm 2021 trong đó có ghi rõ “*Việc ưu đãi thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế*”.

Do đó, việc Công ty TNHH D1 cho rằng UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 40102500010 ngày 14-5-2015 quy định các nội dung ưu đãi đầu tư, nghĩa là UBND tỉnh đã cho phép Công ty TNHH D1 được hưởng thuế suất ưu đãi 10% đối với tất cả ngành nghề kinh doanh của Công ty là chưa phù hợp với quy định pháp luật đầu tư, thuế và các quy định có liên quan khác. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 168/2023/HC-ST ngày 29-9-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Căn cứ các Điều 30, 32, 115, 116, điểm a khoản 1 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 57, 66, 68, 70, 78 và 85 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 19, khoản 2 Điều 59, Điều 136, Điều 137, Điều 138, Điều 139 và Điều 142 của Luật Quản lý thuế năm 2019; khoản 2 Điều 27, Điều 32, khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư năm 2005; điểm e khoản 1 Điều 16 của Luật Đầu tư năm 2014; Điều 8, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 16, điểm c khoản 4 Điều 32 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19-10-2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn; khoản 2 Điều 28 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22-9-2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư năm 2005; khoản 4 Điều 17 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12-11-2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24-02-2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; điểm e khoản 3 Điều 3 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 13-8-2016 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 34 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24-11-2015 của Bộ T3 hướng dẫn thi hành Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28-10-2015 của Chính phủ, xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D1 về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1501/QĐ-XPVPHC ngày 08-5-2023 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12-10-2023, người khởi kiện TNHH D1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện là Công ty TNHH D1 kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D1; người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính:

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 168/2023/HC-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1]. Về tố tụng:

[2.1.1]. Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết:

Tại Quyết định số 1501/QĐ-XPHC ngày 08-5-2023, Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty TNHH D1, vì đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Khai sai dẫn đến thiếu tiền thuế TNDN năm 2017, 2018 và 2019 (niên độ từ ngày 01-10 đến ngày 30-9 năm sau). Đây là quyết định có nội dung “Làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân...” nên là quyết định hành chính và là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Công ty TNHH D1 cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của công ty bị ảnh hưởng, nên khởi kiện yêu cầu hủy quyết định này. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xác định yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu, nên thụ lý và xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế” là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.1.2]. Về người tham gia tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty D1 có yêu cầu triệu tập ông Lê Tiến H3 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV X tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, Công

ty D1 khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk đối với công ty, do đó không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của người diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV X, nên không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 10 Điều 3 của Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận yêu cầu của Công ty là đúng pháp luật.

Trong vụ án này, người bị kiện là Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk; người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Công T - Chức vụ: Phó Cục trưởng và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Mai Công H1 - Phòng Thanh tra - Kiểm tra 2, Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk.

Tại điểm c khoản 1 Điều 61 của Luật Tổ tụng hành chính về Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự quy định: “1) *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là người tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ... c) Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có kiến thức pháp lý, chưa bị kết án, hoặc bị kết án nhưng đã được xóa án tích, không thuộc trường hợp đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, **Thanh tra**, thi hành án; công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an*”. Ông Mai Công H1 là cán bộ Phòng Thanh tra - Kiểm tra 2, Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk thuộc đối tượng không được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 61 của Luật Tổ tụng hành chính như đã nêu trên. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xác định Ông Mai Công H1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, cần phải hủy toàn bộ bản án và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại để xác định lại tư cách người tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Về nội dung:

Do hủy bản án sơ thẩm, nên các nội dung kháng cáo của Công ty TNHH D1 sẽ được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[3]. Về án phí:

Do hủy bản án sơ thẩm, nên Công ty TNHH D1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; nghĩa vụ nộp án phí được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

1.1. Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 168/2023/HC-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 3 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 4 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định xử lý tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định của pháp luật.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
(02 bản, kèm hồ sơ vụ án);
- TANDTC - Vụ II;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường